

Bảng 4. 10. Tổ chức thực hiện, bộ máy quản lý vận hành các công trình BVMT

Các công trình xử lý môi trường	Các bước thực hiện	Tổ chức thực hiện	Quản lý vận hành các công trình BVMT
- Hệ thống thoát nước mưa - Hệ thống thoát nước thải - Hệ thống thu gom chất thải rắn	Vận hành hệ thống, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế thiết bị	Cơ quan tiếp quản quản lý vận hành dự án.	Cơ quan tiếp quản quản lý vận hành dự án.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Các tác động tiềm ẩn được xác định và đánh giá đối với từng giai đoạn của dự án. Các đánh giá với mức độ chi tiết cần thiết theo yêu cầu của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường như sau:

- Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của dự án.
- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.
- Các đánh giá về các tác động của dự án là chi tiết và cụ thể. Cũng chính vì vậy mà trên cơ sở các đánh giá, dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường một cách khả thi.

Mức độ chi tiết và độ tin cậy của các đánh giá tác động môi trường được thể hiện trong bảng sau:

STT	Các đánh giá	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Ghi chú
I	Giai đoạn thi công xây dựng			
1	Đánh giá tác động do dọn dẹp mặt bằng, chuẩn bị công trường thi công	Định lượng được các tác động.	Cao	- Các tính toán dựa trên cơ sở các số liệu cụ thể của dự án. - Đánh giá theo các tài liệu của dự án kết hợp với kinh nghiệm của các chuyên gia.
2	Các đánh giá tác động liên quan đến chất thải (Chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải,...)	- Đã nhận dạng được hầu hết các tác động. - Các đánh giá được định lượng đối với từng nguồn tác động và đối tượng bị tác động.	Cao	- Các tính toán dựa trên cơ sở các số liệu cụ thể của dự án. - Đánh giá theo các tài liệu của dự án kết hợp với kinh nghiệm của các chuyên gia.
3	Đánh giá tác động do tiếng ồn, độ rung	- Định lượng chi tiết các tác động	Cao	- Tiếng ồn nguồn phát sinh dựa theo tài liệu tham khảo có điều chỉnh với điều kiện của dự án. - Tiếng ồn lan truyền chỉ tính toán theo công thức chung và đạt được sát với thực tế, đồng thời được điều chỉnh theo kinh nghiệm đánh giá của các chuyên gia.
4	Đánh giá các tác động khác	- Định tính	Cao	- Các tác động chủ yếu được nhận dạng và đánh giá theo kinh nghiệm của chuyên gia đánh giá. - Đánh giá định lượng cần được cụ thể trong giai đoạn

				thi công dự án.
II	Giai đoạn vận hành			
1	Các đánh giá tác động liên quan đến chất thải (Chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải...)	- Đã nhận dạng được các tác động - Đã tính toán, dự báo được một cách định lượng các loại chất thải phát sinh.	Cao	- Các tính toán dựa trên cơ sở các số liệu cụ thể của dự án và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành - Đánh giá theo các tài liệu của dự án kết hợp với kinh nghiệm của các chuyên gia.
2	Các đánh giá tác động môi trường do vận hành dự án đối với kinh tế - xã hội của khu vực dự án	Định tính	Trung bình	- Chưa có đủ cơ sở để đánh giá định lượng. - Các đánh giá định lượng cần phải xem xét trong thực tế vận hành dự án.
3	Tác động môi trường liên quan đến vận hành các hạng mục dự án	Định lượng được các tác động	Trung bình	- Chưa có đủ cơ sở để đánh giá định lượng. - Cần thực hiện chương trình giám sát môi trường trong vận hành dự án.

**Chương V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG,
PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Đặc thù của dự án là xây dựng khu dân cư, khu tái định cư, khu nhà ở cho các hộ gia đình không phải là dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học nên không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi thường đa dạng sinh học.

Chương VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

Khi dự án đi vào hoạt động chính thức, nước thải sinh hoạt sau xử lý qua bể tự hoại của các hộ dân sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình;
- Lưu lượng xả thải tối đa: $38,4\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý qua bể tự hoại của các hộ dân sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn CVN 14:2008/BTNMT, cột B, k = 1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó sẽ được xả ra môi trường;
- Vị trí xả thải: Nước thải sau khi xử lý bể tự hoại của các hộ dân sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}15'$ múi chiều 3°) có tọa độ như sau :

$$X = 2398.825;$$

$$Y = 471.295$$

- Phương thức xả thải: Tự chảy;
- Chế độ xả nước thải: Gián đoạn
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực;
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 5. 1. Giới hạn các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ, tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số
2	BOD ₅	mg/L	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0	
5	Amoni	mg/L	10	
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	50	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án: “Khu tái định cư và dân cư 8 + 10, huyện Lộc Bình”

7	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20	08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022)
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10	
9	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/L	10	
10	Tổng Coliforms	MPN /100mL	5.000	

*** Yêu cầu bảo vệ môi trường:**

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt tại các hộ gia đình → Bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Hệ thống thoát nước chung của khu vực .

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải bằng bể tự hoại 3 ngăn:

Nước thải sinh hoạt → Ngăn 1: Điều hòa, lắng → Ngăn 2: Lắng và phân huỷ sinh học → Ngăn 3: Lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Dự án không phát sinh khí thải

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Dự án không phát sinh tiếng ồn, độ rung

4. Yêu cầu về quản lý chất thải rắn

*** Thành phần, chủng loại:**

- Chất thải rắn thông thường: bao gồm rác thực phẩm, hộp giấy, giấy lau, đồ hộp, thủy tinh, túi nilon, plastic....với khối lượng phát sinh tối đa là 116kg/ngày.

- Chất thải rắn nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh khi Dự án đi vào hoạt động bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang vỡ hỏng, pin chì, ắc quy, hộp mực in từ khu văn phòng, giẻ lau dính dầu mỡ từ các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị...

Bảng 5. 2. Thống kê chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	15	19 06 01
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	20	15 01 07
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	15	16 01 06
4	Các linh kiện điện tử thải	Rắn	8	16 01 13
5	Giẻ lau, bao tay, bao bì dính dầu	Rắn	15	18 02 01
6	Hộp mực in thải	Rắn	5	08 02 08
TỔNG			78	

*** Yêu cầu bảo vệ môi trường:**

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Thùng nhựa có nắp đậy, đặt tại khu vực phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thùng nhựa có nắp đậy, đặt tại khu vực phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Chương VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của Dự án, Chủ đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi hộ gia đình, sau đó được thu gom tại bể thu gom rồi được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tiếp tục xử lý rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Vì vậy chủ dự án sẽ vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi đi vào hoạt động chính thức.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Trong vòng 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 6, điều 31 của NĐ 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì thời gian vận hành thử nghiệm do chủ đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

Trên cơ sở quy mô, công suất hoạt động và các công trình, thiết bị xử lý chất thải của dự án, chủ đầu tư lựa chọn thời gian vận hành thử nghiệm trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải của dự án là 03 tháng (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 01/03/2025). Thời gian dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm khi các công trình xử lý chất thải của dự án đã hoàn tất xây dựng và bắt đầu đi vào hoạt động, cụ thể như sau:

Công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất đạt được (dự kiến)
Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50m ³ /ngày đêm	01/01/2025	01/03/2025	Hoạt động 100%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Để đánh giá hiệu quả xử lý chất thải các công trình mà dự án đã xây lắp, chủ dự án cùng đơn vị tư vấn là Công ty TNHH thương mại và công nghệ AI sẽ phối hợp với Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường phòng nghiên cứu chất lượng môi trường lấy mẫu, đo đạc và phân tích, việc lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm được thực hiện theo các Tiêu chuẩn Việt Nam.

a) Thông tin chung của đơn vị lấy mẫu:

Đơn vị tư vấn:

Công ty TNHH Thương mại và công nghệ AI:

Người đại diện: Bà Bé Thị Lan Anh Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Ngõ 463, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0205 380 6789

Đơn vị phối hợp quan trắc:

Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường phòng nghiên cứu chất lượng môi trường

Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Minh Chức vụ: Phó giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Phòng 405, Tòa nhà Bộ Tài nguyên và Môi trường, 85 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.237.3961

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERTS: 208/TN-QTMT

- Mã số thuế: 0107371705.

b) Kế hoạch quan trắc chất thải được thể hiện như sau:

+ Vị trí xả thải: Tại điểm đầu nối giữa điểm xả thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

+ Tọa độ vị trí xả thải của dự án (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiều 3°):

$$X = 2398.825;$$

$$Y = 471.295$$

+ Phương thức xả thải: tự chảy.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo cột B, QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	pH	mg/L	5-9	+ Trong giai đoạn ổn định: Lấy 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm từ ngày 01/01/2025 * Trong giai đoạn ổn định của hệ thống: Lấy mẫu liên tiếp 3 ngày bắt đầu từ ngày 02/3/2025 đến 04/3/2025
2	BOD ₅	mg/L	50		
3	TSS	mg/L	100		
4	H ₂ S	mg/L	4.0		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
6	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	50		
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20		
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		
9	PO ₄ ³⁻	mg/L	10		
10	Tổng Coliforms	mg/L	5.000		

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

Chủ dự án cùng với các đơn vị có chức năng lập chương trình giám sát môi trường, tiến hành thu mẫu giám sát chất lượng môi trường tại các nguồn phát sinh ô nhiễm trong khu vực dự án theo thời gian định kỳ 06 tháng/ 01 lần đối với hoạt động giám sát nguồn thải, để đánh giá sơ bộ hiện trạng chất lượng môi trường, cung cấp thông tin môi trường trong khu vực cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lộc Bình, góp phần vào công tác quản lý môi trường của huyện.

Chủ dự án sẽ kết hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nhằm mục đích kiểm soát, bảo vệ và giám sát ô nhiễm môi trường. Tình trạng môi trường sẽ được thường xuyên theo dõi, số liệu được lưu trữ, đồng thời phân công nhân viên môi trường chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý, giám sát môi trường.

Để đảm bảo các hoạt động của Dự án không gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh và đánh giá hiệu quả của các biện pháp xử lý ô nhiễm, chương trình giám sát chất lượng môi trường nước, không khí và các chất thải rắn được đề xuất sau đây sẽ được áp dụng. Kết quả giám sát môi trường và Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ được lưu giữ tại công trường và gửi về Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Lộc Bình, định kỳ với tần suất là 01 lần/ năm. Kế hoạch thực hiện giám sát môi trường cụ thể như sau:

2.1. Chương trình quan trắc định kỳ trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

2.1.1. Chương trình quan trắc nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Dự án tận dụng nguồn nhân lực tại địa phương để hạn chế phát sinh nước thải sinh hoạt, thêm vào đó dự án cũng thuê các nhà vệ sinh di động và thuê đơn vị thu gom vì vậy dự án không phát sinh nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.

- Nước thải xây dựng:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải xây dựng tại công trường thi công đường.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/ 01 lần (đối tượng không thực hiện đánh giá tác động môi trường theo Nghị định 08:2022/NĐ-CP).

+ Thông số giám sát đối với nước thải xây dựng tại công trường thi công: COD, TSS, Fe, tổng dầu mỡ.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: đối với nước thải xây dựng tại công trường sử dụng QCVN 40:2011 (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.1.2. Chương trình quan trắc bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung

- Thông số quan trắc: Tổng bụi lơ lửng, NO_x, SO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.
- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại công trường xây dựng
- Tần suất giám sát: 06 tháng/ 01 lần (đối tượng không thực hiện đánh giá tác động môi trường theo Nghị định 08:2022/NĐ-CP).
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

2.1.3. Chương trình quan trắc chất thải rắn

- Thành phần giám sát: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, CTNH
- Vị trí quan trắc: Tại công trường xây dựng của dự án
- Thông số giám sát: Khối lượng, tỷ trọng, thành phần.
- Tần suất quan trắc 06 tháng/ 01 lần.

2.2. Chương trình quan trắc định kỳ trong giai đoạn vận hành

Chương trình quan trắc nước thải sinh hoạt

- Thông số quan trắc: Ph, BOD₅, TSS, Amoni, tổng coliforms.
- Vị trí quan trắc: Điểm xả ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/ 01 lần (đối tượng không thực hiện đánh giá tác động môi trường theo Nghị định 08:2022/NĐ-CP).

- Quy chuẩn kỹ thuật so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, k = 1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lộc Bình sẽ ký hợp đồng với đơn vị tư vấn môi trường độc lập làm công tác quan trắc môi trường định kỳ trong các giai đoạn của dự án.

Trên cơ sở chương trình quan trắc dự kiến nêu trên, khoản kinh phí dự trù cho công tác triển khai khi quan trắc sẽ được trình bày trong bảng Dự toán kinh phí cho hoạt động quan trắc trong giai đoạn xây dựng và vận hành (1 năm) dưới đây:

Bảng 7. 1. Dự toán kinh phí cho hoạt động quan trắc

STT	Hạng mục	Giai đoạn xây dựng		Giai đoạn vận hành	
		Số mẫu	Kinh phí	Số mẫu	Kinh phí
1	Không khí xung quanh, ồn, rung	02	800.000	0	0
2	Nước thải xây dựng	02	500.000	0	0
3	Nước thải sinh hoạt	0	0	500.000	500.000
4	Chất thải rắn sinh hoạt/ chất thải rắn thông thường	02	500.000	0	0
5	CTNH	02	1.000.000	02	1.000.000
6	Chi phí khác	01	1.000.000	01	1.000.000
Tổng cộng		2.800.000		2.500.000	

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lộc Bình cam kết thực hiện đầy đủ những biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra; các văn bản pháp luật, quy định chung về BVMT như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án sau khi được phê duyệt. Cụ thể:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

- Cam kết thực hiện đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường đã được đưa ra và kiến nghị trong báo cáo là những biện pháp khả thi, có thể đảm bảo các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Do đó chủ đầu tư cam kết sẽ áp dụng thực hiện trong suốt quá trình đầu tư hoạt động của dự án, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về quản lý môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường tại dự án.

- Cam kết sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình thiết kế, thi công xây dựng và vận hành các hệ thống xử lý, khống chế ô nhiễm để kịp thời điều chỉnh mức độ ô nhiễm nhằm đạt các quy chuẩn và tiêu chuẩn môi trường theo quy định và phòng ngừa hiệu quả các sự cố môi trường.

- Cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn/quy chuẩn môi trường bao gồm:

Đối với nước thải:

- + Toàn bộ nước thải phát sinh của khu dân cư tại được thu gom và tách riêng biệt đối với hệ thống thoát nước mưa và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của thị trấn Na Dương.

Đối với chất thải:

- + Cam kết thực hiện thu gom toàn bộ chất thải phát sinh và bố trí đủ thùng rác, không đổ bừa bãi rác thải ra môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án: “Khu tái định cư và dân cư 8 + 10, huyện Lộc Bình”

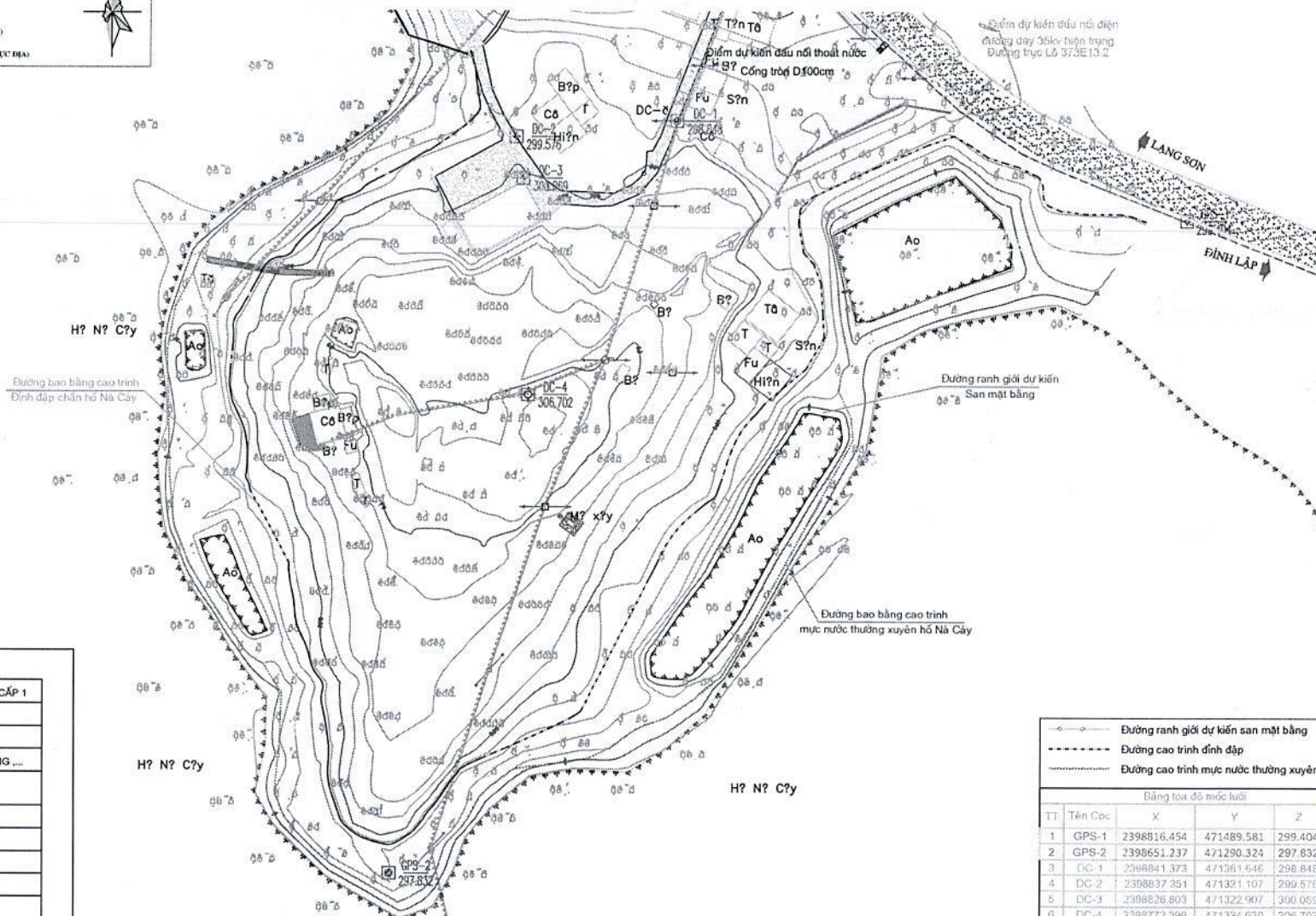
+ Cam kết phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và toàn bộ nội dung quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



**DỰ ÁN : KHU ĐỊNH CƯ VÀ DÂN CƯ B+10,
HUYỆN LỘC BÌNH TỈNH LANG SON**

ĐỊA ĐIỂM THỊ TRẤN NÀ DƯƠNG, HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LANG SON



GHI CHÚ : BẢNG KÝ HIỆU

	ĐIỂM LƯỚI ĐƯỜNG TRUYỀN CẤP 1
	ĐIỂM ĐỘ CAO
	NHÀ TAM
	NHÀ BẾ TỔNG 1 TẦNG, 2 TẦNG
	TRẠM BIẾN ÁP
	LƯỚI
	CỘT ĐIỆN
	MỘ XÂY
	TƯỜNG XÂY
	CỘT ĐÈN







Đường ranh giới dự kiến san mặt bằng

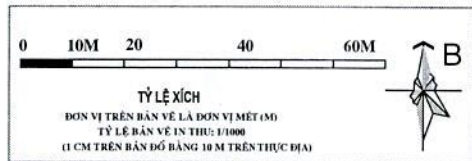
Đường cao trình đỉnh đập

Đường cao trình mực nước thường xuyên

Bảng tọa độ mốc lưới				
TT	Tên Cọc	X	Y	Z
1	GPS-1	2398816.454	471489.581	299.404
2	GPS-2	2398651.237	471290.324	297.832
3	DC-1	2398841.373	471361.646	298.848
4	DC-2	2398837.351	471321.107	299.576
5	DC-3	2398826.803	471322.907	300.059
6	DC-4	2398772.999	471324.630	306.702

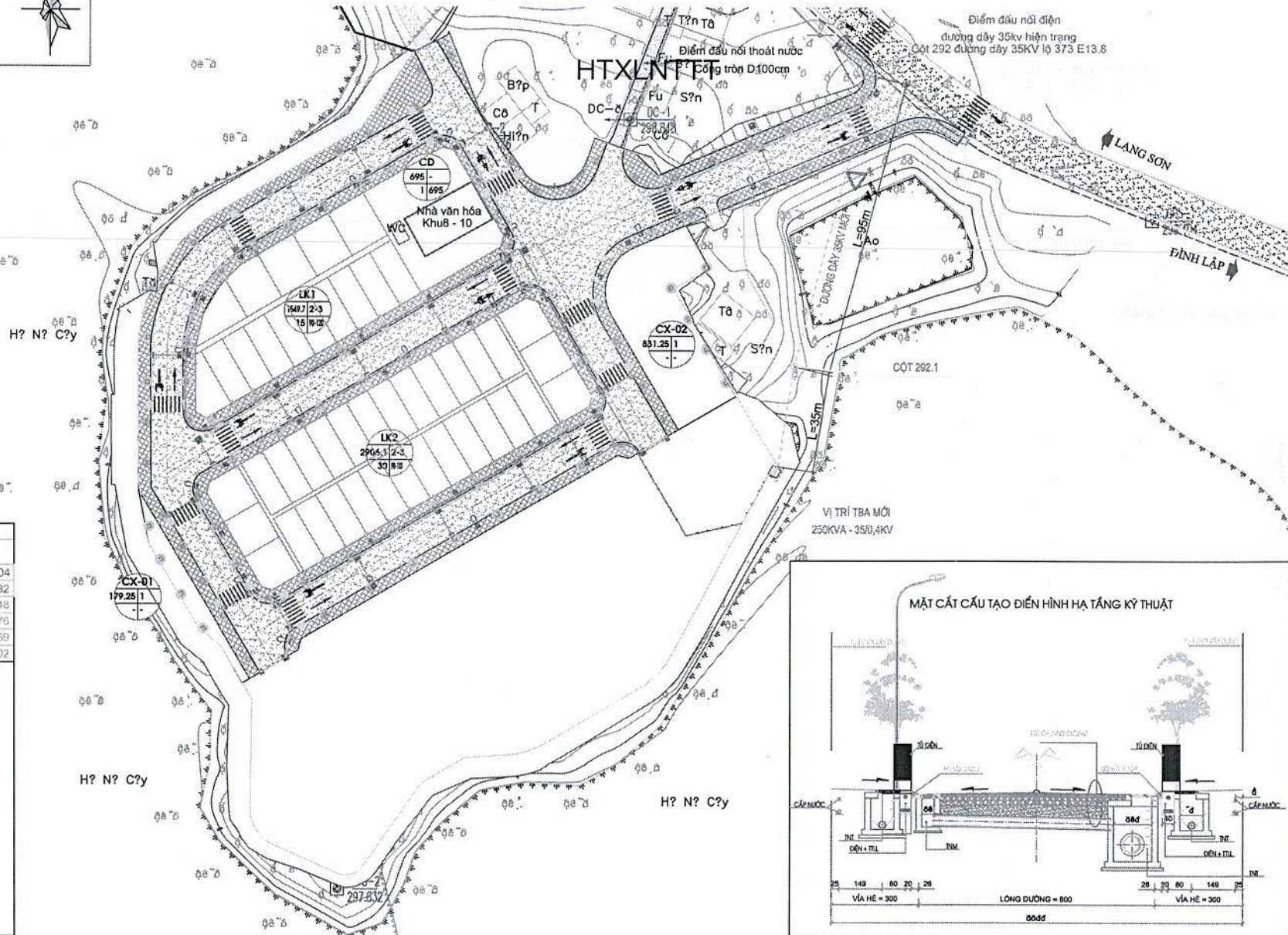
TỔNG MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG

1/1000



**DỰ ÁN : KHU ĐỊNH CƯ VÀ DÂN CƯ 8+10,
HUYỆN LỘC BÌNH TỈNH LẠNG SƠN**
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN NA DƯƠNG, HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

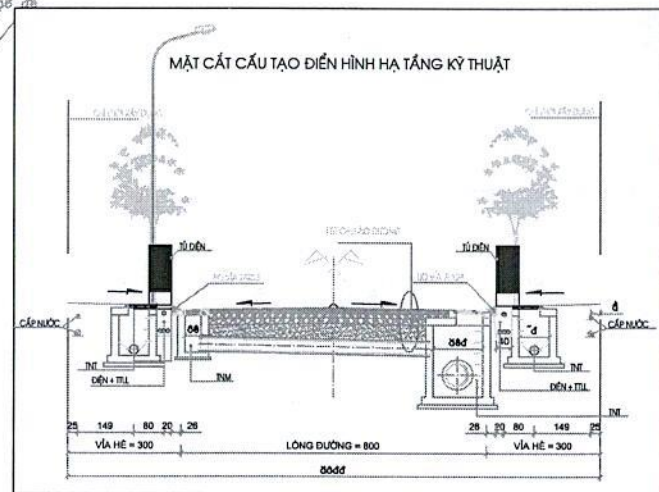
TỶ LỆ XÍCH
ĐƠN VỊ TRÊN BẢN VẼ LÀ ĐƠN VỊ MÉT (M)
TỶ LỆ BẢN VẼ IN THỰC: 1/1000
(1 CM TRÊN BẢN ĐỒ BẰNG 10 M TRÊN THỰC ĐỊA)



Bảng tọa độ mốc lưới				
TT	Tên Cọc	X	Y	Z
1	GPS-1	2398816.454	471489.581	299.404
2	GPS-2	2398651.237	471290.324	297.832
3	DC-1	2398841.373	471361.646	298.848
4	DC-2	2398837.351	471321.107	299.576
5	DC-3	2398826.803	471322.907	300.069
6	DC-4	2398772.399	471324.630	306.702

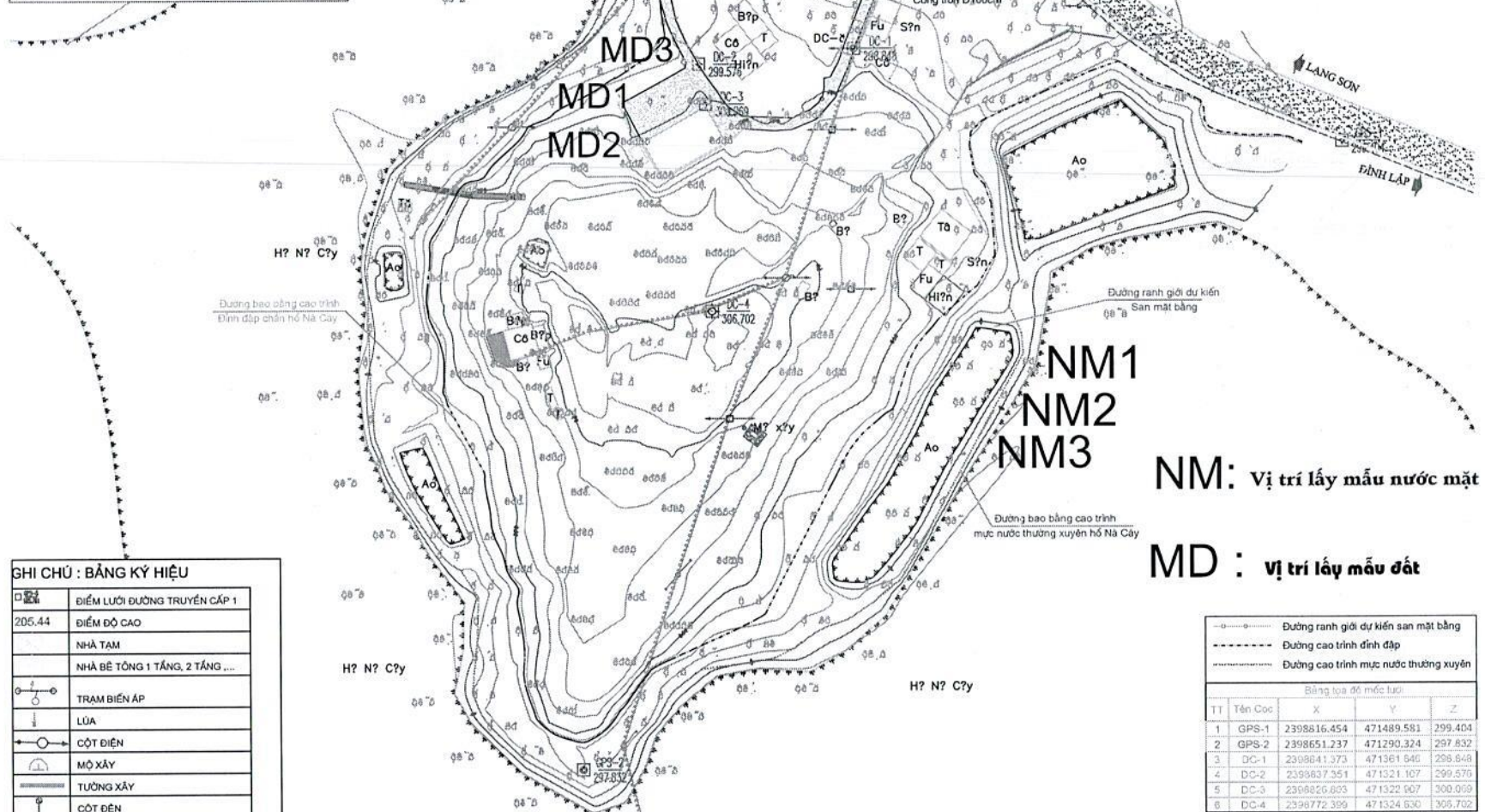
GHI CHÚ : BẢNG KÝ HIỆU

	ĐIỂM LƯỚI ĐƯỜNG TRUYỀN CẤP 1
	ĐIỂM ĐỘ CAO
	NHÀ TẠM
	NHÀ BÊ TÔNG 1 TẦNG, 2 TẦNG
	TRẠM BIẾN ÁP
	LÚA
	CỘT ĐIỆN
	MỘ XÂY
	TƯỜNG XÂY
	CỘT ĐEN



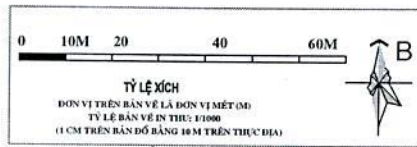
TỔNG MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

1/1000

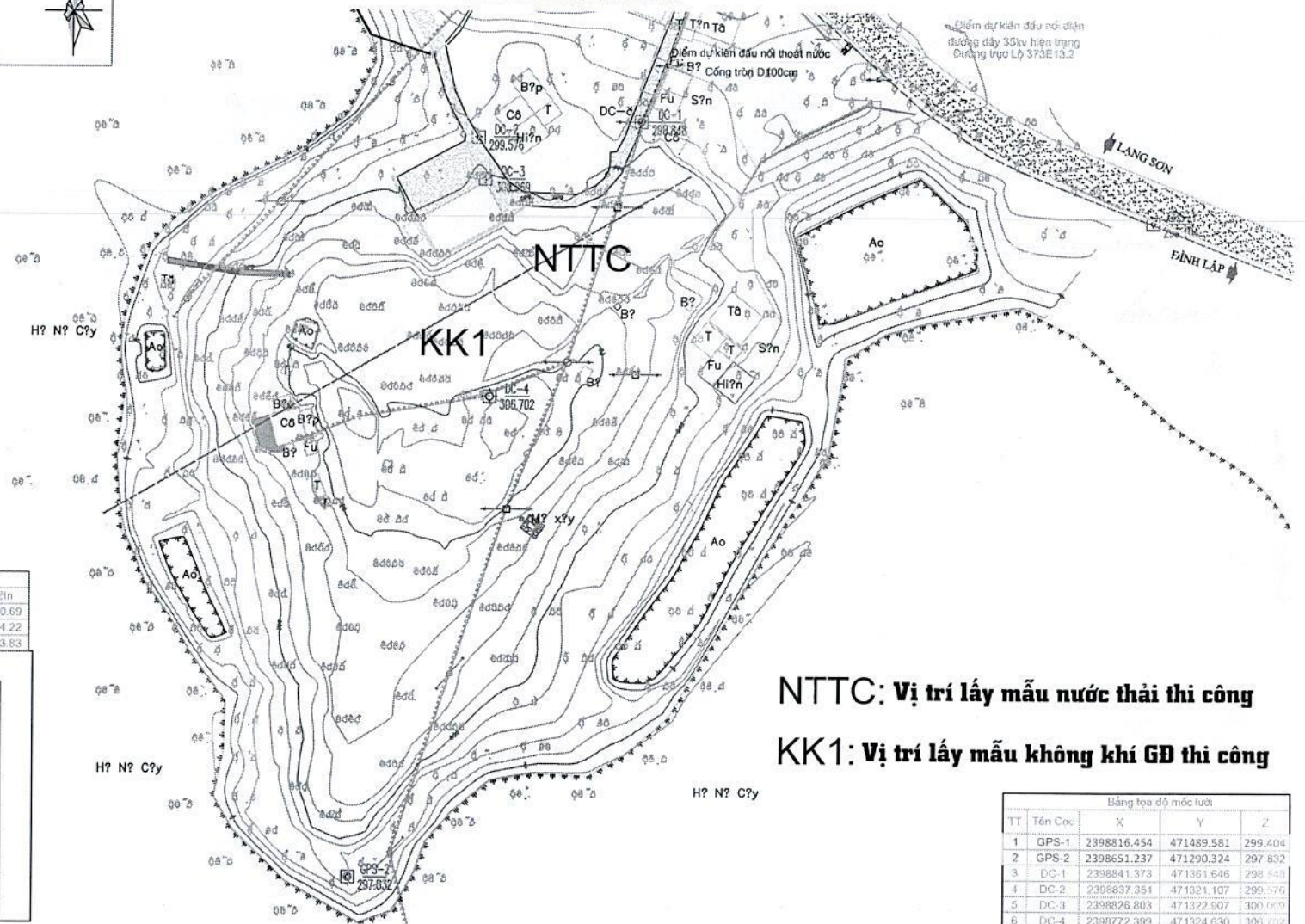


MẶT BẰNG LẤY MẪU HIỆN TRẠNG

1/1000



ĐU' AN : KHU ĐỊNH CƯ VÀ DÂN CƯ 8+10,
HUYỆN LỘC BÌNH TỈNH LẠNG SƠN
ĐỊA ĐIỂM THỊ TRẤN NÀ DƯƠNG, HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN



Bảng tọa độ các điểm (Đầu đũa)				
TT	Tên Các	X	Y	Z(m)
1	A	2398827.80	471374.39	300.69
2	B-B	2398784.94	471301.33	304.22
3	A'	2398741.97	471228.09	293.83

GHI CHÚ : BẢNG KÝ HIỆU

	ĐIỂM LƯỚI ĐƯỜNG TRUYỀN CẤP 1
	ĐIỂM ĐỘ CAO
	NHÀ TẠM
	NHÀ BÊ TÔNG 1 TẦNG, 2 TẦNG
	TRẠM BIẾN ÁP
	LÚA
	CỘT ĐIỆN
	MỘ XÂY
	TƯỜNG XÂY
	CỘT ĐÉN

NTTC: Vị trí lấy mẫu nước thải thí nghiệm

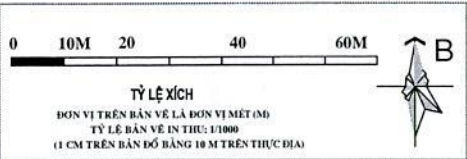
KK1: Vị trí lấy mẫu không khí GD thí nghiệm

Bảng tọa độ mốc lưới				
TT	Tên Các	X	Y	Z
1	GPS-1	2398816.454	471489.581	299.404
2	GPS-2	2398651.237	471290.324	297.832
3	DC-1	2398841.373	471361.646	298.848
4	DC-2	2398837.351	471321.107	299.576
5	DC-3	2398826.803	471322.907	300.000
6	DC-4	2398772.309	471324.630	306.702

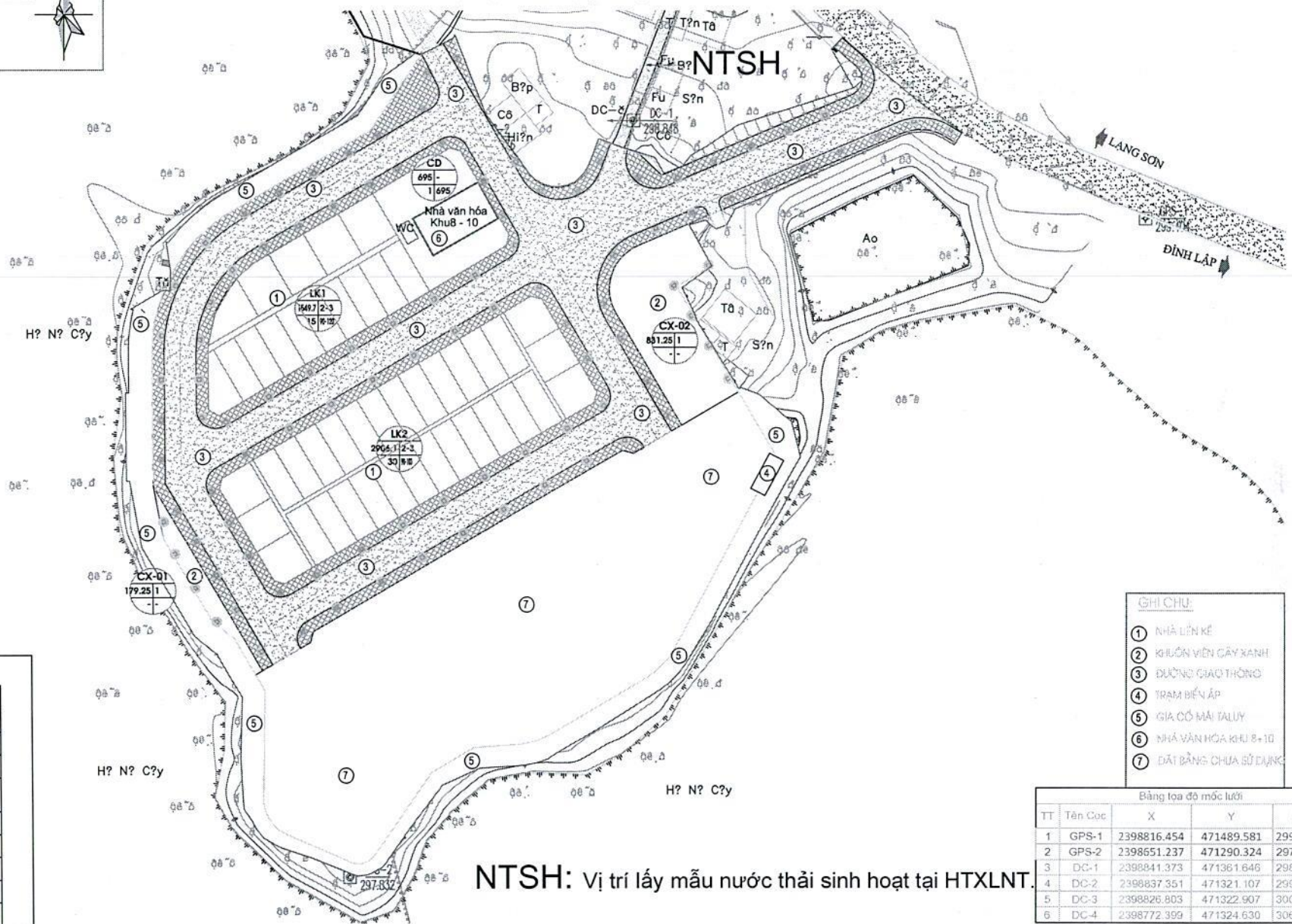
1/1000

MẶT BẰNG LẤY MẪU GIAI ĐOẠN THÍ NGHIỆM

KS. MCDC. C1



DỰ ÁN : KHU ĐỊNH CƯ VÀ DÂN CƯ 8+10,
HUYỆN LỘC BÌNH TỈNH LẠNG SƠN
ĐỊA ĐIỂM: TH. TRẦN NA DƯƠNG, HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN



GHI CHÚ : BẢNG KÝ HIỆU

	ĐIỂM LƯỚI ĐƯỜNG TRUYỀN CẤP 1
	ĐIỂM ĐỘ CAO
	NHÀ TẠM
	NHÀ BÊ TÔNG 1 TẦNG, 2 TẦNG ,...
	TRẠM BIẾN ÁP
	LÚA
	CỘT ĐIỆN
	MỘ XÂY
	TƯỜNG XÂY
	CỘT ĐÈN

GHI CHÚ:

①	NHÀ LÊN KẾ
②	KHUÔN VIÊN CÂY XANH
③	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
④	TRẠM BIẾN ÁP
⑤	GIA CỐ MÀI TÁLUY
⑥	NHÀ VĂN HÓA KHU 8+10
⑦	ĐẤT BÀNG CHUA GỖ ĐANG

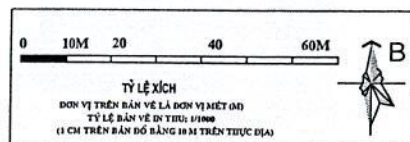
Bảng tọa độ mốc lưới

TT	Tên Cọc	X	Y	Z
1	GPS-1	2398816.454	471489.581	299.404
2	GPS-2	2398851.237	471290.324	297.832
3	DC-1	2398841.373	471361.646	298.848
4	DC-2	2398837.351	471321.107	299.576
5	DC-3	2398826.803	471322.907	300.069
6	DC-4	2398772.399	471324.630	306.702

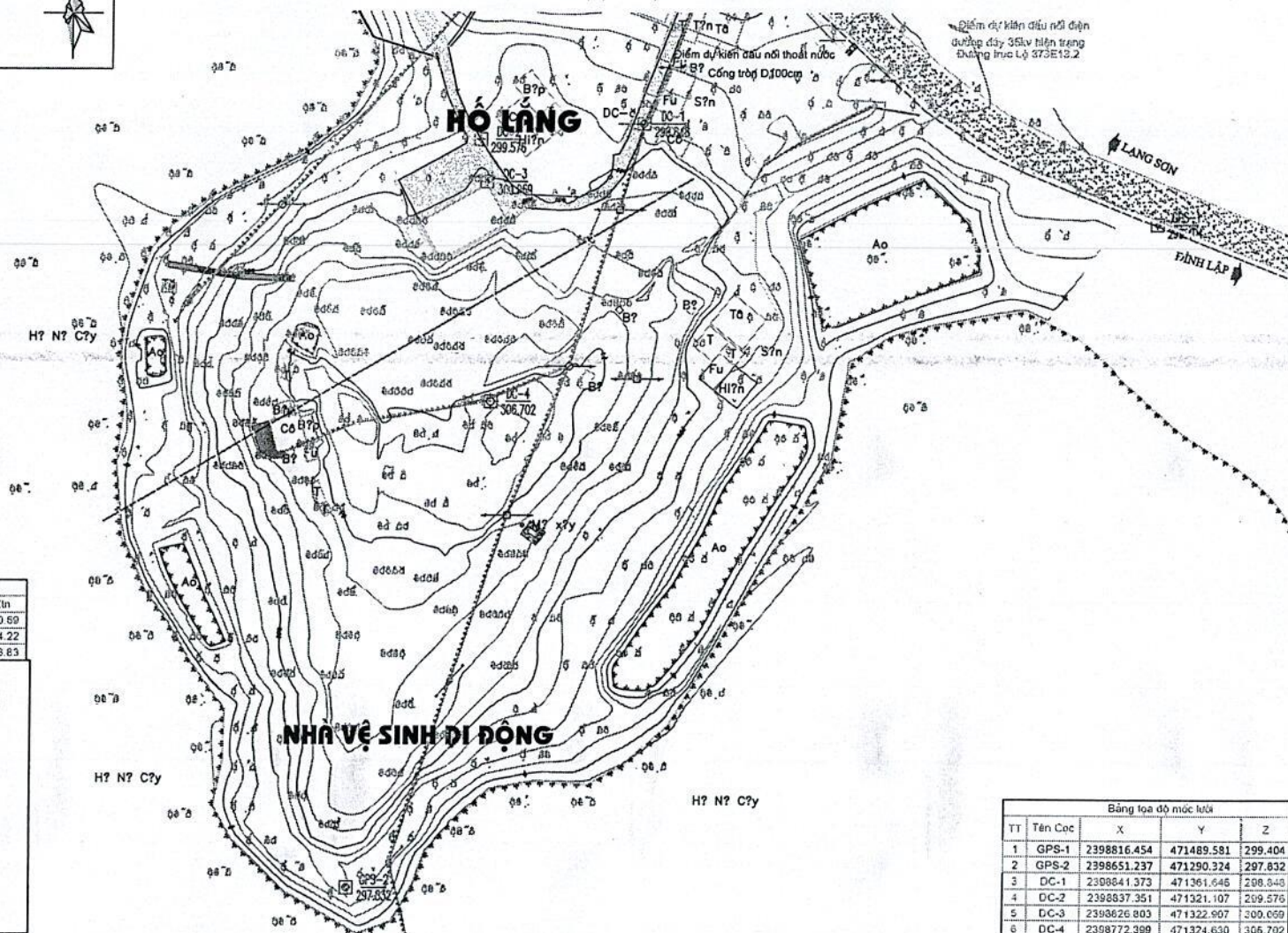
NTSH: Vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt tại HTXLNT.

MẶT BẰNG LẤY MẪU GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG

1/1000



**DỰ ÁN : KHU ĐỊNH CƯ VÀ DÂN CƯ 8+10,
HUYỆN LỘC BÌNH TỈNH LẠNG SƠN**
DẠ ĐIỂM THỊ TRẤN HÀ DƯƠNG, HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN



Bảng tọa độ mốc (Đáy đủ)			
TT	Tên Cọc	X	Y
1	A	2398527.60	471374.39
2	B-B	2398784.94	471301.33
3	A'	2398741.97	471228.09

GHI CHÚ : BẢNG KÝ HIỆU

	ĐIỂM LƯỚI ĐƯỜNG TRUYỀN CẤP 1
	ĐIỂM ĐỘ CAO
	NHÀ TẠM
	NHÀ BÊ TÔNG 1 TẦNG, 2 TẦNG
	TRẠM BIẾN ÁP
	LŨA
	CỘT ĐIỆN
	MỘ XÂY
	TƯỜNG XÂY
	CỘT ĐEN

Bảng tọa độ mốc lưới			
TT	Tên Cọc	X	Y
1	GPS-1	2398816.454	471489.581
2	GPS-2	2398651.237	471290.324
3	DC-1	2398841.373	471361.646
4	DC-2	2398837.351	471321.107
5	DC-3	2398826.803	471322.967
6	DC-4	2398772.399	471324.630

1/1000

MẶT BẰNG CÁC CÔNG TRÌNH BVMT GIAI ĐOẠN THI CÔNG

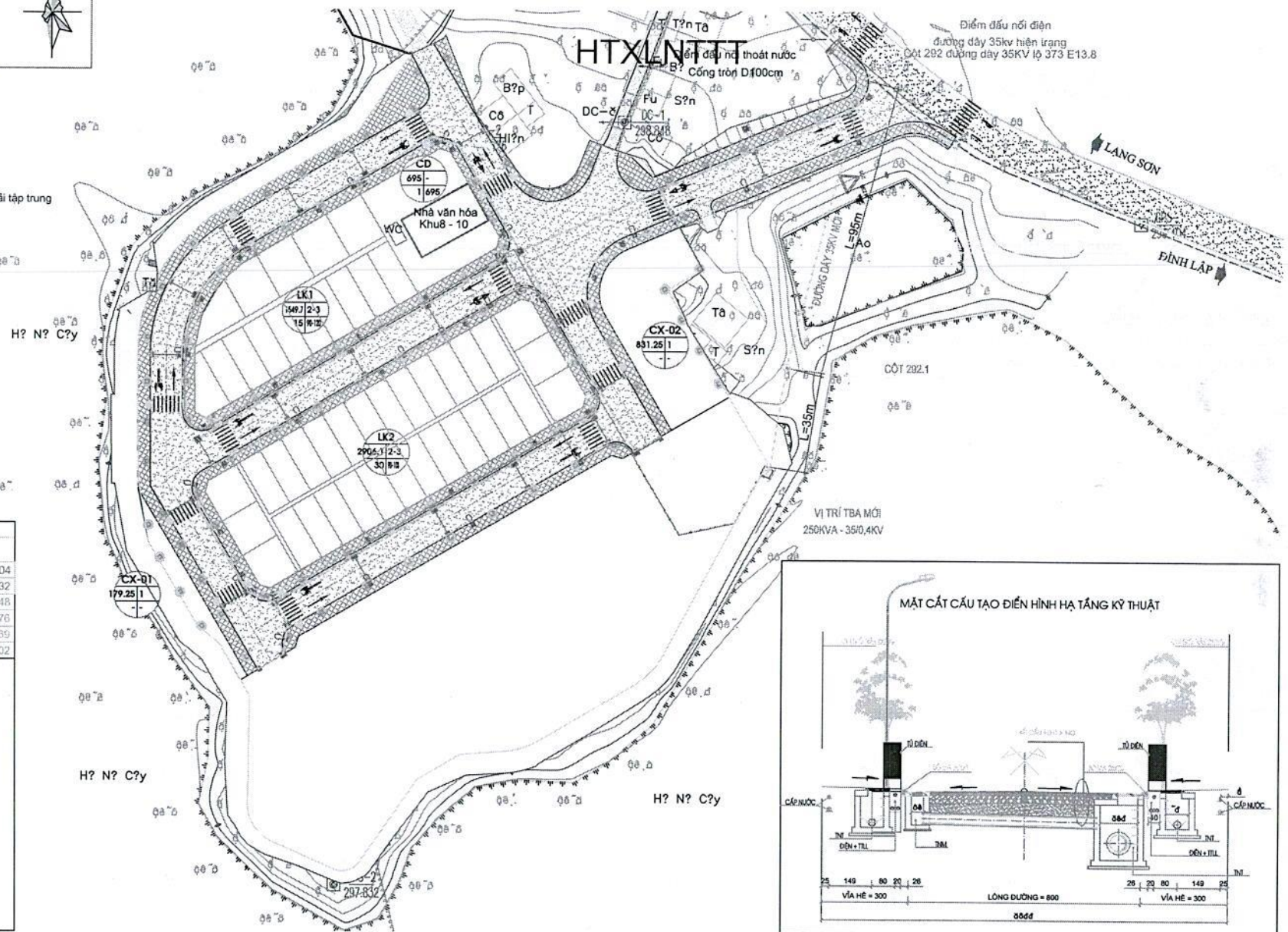
KS MCDC 01



**DỰ ÁN : KHU ĐỊNH CƯ VÀ DÂN CƯ B+10,
HUYỆN LỘC BÌNH TỈNH LẠNG SƠN**
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN NA DƯƠNG, HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

HTXLNTTT

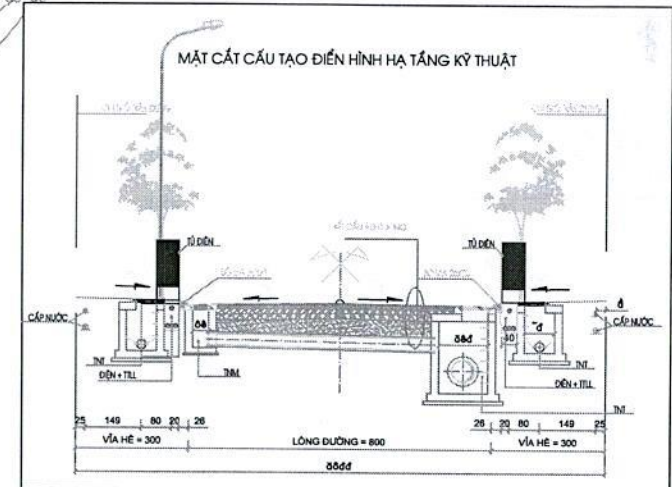
HTXLNTTT: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung



Bảng tọa độ mốc lưới				
TT	Tên Cọc	X	Y	Z
1	GPS-1	2398816.454	471489.581	299.404
2	GPS-2	2398651.237	471290.324	297.832
3	DC-1	2398641.373	471361.646	298.848
4	DC-2	2398837.351	471321.107	299.576
5	DC-3	2398826.803	471322.907	300.069
6	DC-4	2398772.399	471324.630	306.702

GHI CHÚ : BẢNG KÝ HIỆU

	ĐIỂM LƯỚI ĐƯỜNG TRUYỀN CẤP 1
	ĐIỂM ĐỘ CAO
	NHÀ TAM
	NHÀ BÊ TÔNG 1 TẦNG, 2 TẦNG
	TRẠM BIẾN ÁP
	LŨA
	CỘT ĐIỆN
	MỘ XÂY
	TƯỜNG XÂY
	CỘT ĐÈN



**MẶT BẰNG CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG**

1/1000



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Liễu Giai - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 [Http://www.cec.org.vn](http://www.cec.org.vn)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM VILAS 1330

Số: KQ_N.287/15.01.2024

Khách hàng : Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ AI
Địa chỉ : Ngõ 463, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Dự án: Khu tái định cư và dân cư 8+10 huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
Thời gian nhận mẫu : Nước mặt
Thời gian thử nghiệm : 04/01/2024 - 15/01/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM1	Bảng 2 - Mức A
1	pH ^(a)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6,5 - 8,5
2	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	6	≤10
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	2	≤4
4	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,06	0,3
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	13	≤25
6	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100mL	840	≤1.000

- Thông tin do khách hàng cung cấp:

- NM1: Mẫu nước mặt lấy tại hồ Nà Cây ngay sát dự án (ngày 02/01/2024).

Tọa độ: X: 2398.839, Y: 471.278

- QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 2 - Mức A: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi



Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2024

TI. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 <http://thietwiccc.org.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.288/15.01.2024

Khách hàng : Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ AI
Địa chỉ : Ngõ 463, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Dự án: Khu tái định cư và dân cư 8+10 huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
Thời gian nhận mẫu : 04/01/2024 Thời gian thử nghiệm : 04/01/2024 - 15/01/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM2	Bảng 2 - Mức A
1	pH ^(a)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5 – 8,5
2	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	4	≤10
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	KPH (MDL=1)	≤4
4	Amoni (NH ₄ ⁺ - N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,08	0,3
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	11	≤25
6	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100mL	820	≤1.000

- Thông tin do khách hàng cung cấp:

- NM2: Mẫu nước mặt lấy tại hồ Nà Cáy ngay sát dự án (ngày 03/01/2024).

Tọa độ: X: 2398.836, Y: 471.289

- QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

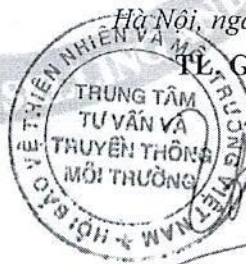
- Bảng 2 - Mức A: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Chu Thị Chi



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Liễn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

VILAS 1330

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.289/15.01.2024

Khách hàng : Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ AI
Địa chỉ : Ngõ 463, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Nước mặt
Thời gian nhận mẫu : 04/01/2024 Thời gian thử nghiệm : 04/01/2024 - 15/01/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM3	Bảng 2 - Mức A
1	pH ^(a)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6,5 - 8,5
2	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	7	≤10
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	3	≤4
4	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,05	0,3
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	10	≤25
6	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100mL	820	≤1.000

- Thông tin do khách hàng cung cấp:

- NM3: Mẫu nước mặt lấy tại hồ Nà Cáy ngay sát dự án (ngày 04/01/2024).

Tọa độ: X: 2398.839, Y: 471.278

- QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 2 - Mức A: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_R.290/15.01.2024

Khách hàng : Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ AI
Địa chỉ : Ngõ 463, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Đất
Thời gian nhận mẫu : 04/01/2024 Thời gian thử nghiệm : 04/01/2024 - 15/01/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT	
				MĐ1	LOẠI 1	LOẠI 2
1	pH	TCVN 5979:2007	-	6,5	-	-
2	Asen (As)	US EPA 3050B + SMEWW 3113B:2017	mg/kg	KPH (MDL=0,08)	25	50
3	Đồng (Cu)	US EPA 3050B + SMEWW 3111B:2017	mg/kg	34,8	150	500
4	Chì (Pb)	US EPA 3050B + SMEWW 3111B:2017	mg/kg	KPH (MDL=1,2)	200	400
5	Cadimi (Cd)	US EPA 3050B + SMEWW 3111B:2017	mg/kg	KPH (MDL=0,8)	4	10

- Thông tin do khách hàng cung cấp:

- MĐ1: Mẫu đất lấy tại vườn trung tâm dự án (ngày 02/01/2024).

Tọa độ: X: 2398.810, Y: 471.283

- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

- LOẠI 1: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; - Đất nuôi trồng thủy sản; - Đất làm muối; - Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; - Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác;

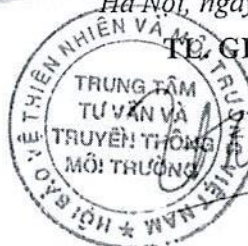
- LOẠI 2: Nhóm đất rừng gồm: Đất rừng sản xuất, Đất rừng phòng hộ, Đất rừng đặc dụng; - Đất xây dựng trụ sở cơ quan; - Đất xây dựng công trình sự nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai; - Đất thương mại, dịch vụ; - Đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; - Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; - Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng mà không sử dụng theo các mục đích như nêu tại Loại 1 và Loại 3; - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; - Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Chu Thị Chi



TE. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Liễn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_R.291/15.01.2024

Khách hàng : Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ AI
Địa chỉ : Ngõ 463, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Đất
Thời gian nhận mẫu : 04/01/2024 Thời gian thử nghiệm : 04/01/2024 - 15/01/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT	
				MĐ2	LOẠI 1	LOẠI 2
1	pH	TCVN 5979:2007	-	6,6	-	-
2	Asen (As)	US EPA 3050B + SMEWW 3113B:2017	mg/kg	KPH (MDL=0,08)	25	50
3	Đồng (Cu)	US EPA 3050B + SMEWW 3111B:2017	mg/kg	33,2	150	500
4	Chì (Pb)	US EPA 3050B + SMEWW 3111B:2017	mg/kg	KPH (MDL=1,2)	200	400
5	Cadimi (Cd)	US EPA 3050B + SMEWW 3111B:2017	mg/kg	KPH (MDL=0,8)	4	10

- Thông tin do khách hàng cung cấp:

- MĐ2: Mẫu đất lấy tại trung tâm dự án (ngày 03/01/2024).

Tọa độ: X: 2398.796, Y: 471.290

- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

- LOẠI 1: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; - Đất nuôi trồng thủy sản; - Đất làm muối; - Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; - Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác;

- LOẠI 2: Nhóm đất rừng gồm: Đất rừng sản xuất, Đất rừng phòng hộ, Đất rừng đặc dụng; - Đất xây dựng trụ sở cơ quan; - Đất xây dựng công trình sự nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai; - Đất thương mại, dịch vụ; - Đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; - Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; - Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng mà không sử dụng theo các mục đích như nêu tại Loại 1 và Loại 3; - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; - Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2024
T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Liễm Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_R.292/15.01.2024

Khách hàng : Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ AI
Địa chỉ : Ngõ 463, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Đất
Thời gian nhận mẫu : 04/01/2024 Thời gian thử nghiệm : 04/01/2024 - 15/01/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT	
				MD3	LOẠI 1	LOẠI 2
1	pH	TCVN 5979:2007	-	6,7	-	-
2	Asen (As)	US EPA 3050B + SMEWW 3113B:2017	mg/kg	KPH (MDL=0,08)	25	50
3	Đồng (Cu)	US EPA 3050B + SMEWW 3111B:2017	mg/kg	35,7	150	500
4	Chì (Pb)	US EPA 3050B + SMEWW 3111B:2017	mg/kg	KPH (MDL=1,2)	200	400
5	Cadimi (Cd)	US EPA 3050B + SMEWW 3111B:2017	mg/kg	KPH (MDL=0,8)	4	10

- Thông tin do khách hàng cung cấp:

- MD3: Mẫu đất lấy tại trung tâm dự án (ngày 04/01/2024).

Tọa độ: X: 2398.838, Y: 471.286

- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

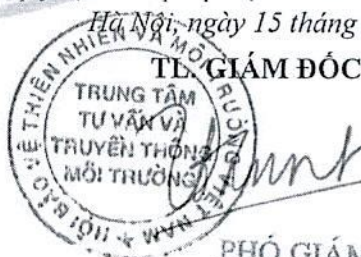
- LOẠI 1: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; - Đất nuôi trồng thủy sản; - Đất làm muối; - Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; - Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác;

- LOẠI 2: Nhóm đất rừng gồm: Đất rừng sản xuất, Đất rừng phòng hộ, Đất rừng đặc dụng; - Đất xây dựng trụ sở cơ quan; - Đất xây dựng công trình sự nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai; - Đất thương mại, dịch vụ; - Đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; - Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; - Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng mà không sử dụng theo các mục đích như nêu tại Loại 1 và Loại 3; - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; - Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023